

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2026
V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phương
Ông Lưu Huy Hà
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 437/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thị L**, sinh năm 1993
Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Nai
CCCD số xxxxxxxxxx39, cấp ngày xx/xx/2021
Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Ông **Điều C**, sinh năm 1993
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 5, xã T, tỉnh Đồng Nai
CCCD số xxxxxxxxxx31, cấp ngày xx/xx/2021
Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2026 và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà **Thị L** trình bày:

Về hôn nhân: Bà **Thị L** và ông **Điều C** sống chung với nhau một cách tự nguyện vào năm 2012, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2025 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, ông **Điều C** nhiều lần mất kiểm soát bản thân đòi đánh, giết bà **L** nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được, không thể tiếp tục chung sống. Tình cảm bà **L** dành cho ông **C** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà **Thị L** được ly hôn với ông **Điều C**.

C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị L và ông Điều C có 03 con chung tên là Điều Hoàng L, sinh ngày 21/5/2012; Điều Hoàng D, sinh ngày 21/02/2018 và Điều Hoàng B, sinh ngày 14/5/2021. Bà Thị L có yêu cầu giao 03 con chung cho ông Điều C trực tiếp nuôi dưỡng, bà Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 con/tháng, tổng 03 con là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Bà Thị L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/3/2026, bị đơn là ông Điều C trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Điều C và bà Thị L chung sống với nhau và năm 2012, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ nhưng chỉ là chuyện lặt vặt trong gia đình, không có mâu thuẫn trầm trọng. Tuy nhiên, bà L bỏ nhà đi 02 năm nay, không quan tâm đến gia đình, con cái. Vì vậy, bà L có yêu cầu xin ly hôn với ông C thì ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Điều C và bà Thị L có 03 con chung tên là Điều Hoàng L, sinh ngày 21/5/2012; Điều Hoàng D, sinh ngày 21/02/2018 và Điều Hoàng B, sinh ngày 14/5/2021. Do bà L đã bỏ nhà đi 02 năm nay nên ông C không đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng, ông C có yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/3 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Điều C không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự...năm 2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. *Về hôn nhân:* Đề nghị tuyên xử cho bà Thị L được ly hôn với ông Điều C

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:*

Đề nghị giao 03 con chung tên là Điều Hoàng L, sinh ngày 21/5/2012; Điều Hoàng D, sinh ngày 21/02/2018 và Điều Hoàng B, sinh ngày 14/5/2021 cho ông Điều C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 con/tháng, tổng mức cấp dưỡng cho 03 con là 3.000.000 đồng/tháng.

3. *Về tài sản chung:* Không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Bà Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Điều C, yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về sản chung. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là Điều C cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Thị L và bị đơn là Điều C có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng các điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân: Bà Thị L và ông Điều C chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2012, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai (*Bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Nai ký cấp số 516/TLKH-BS ngày 18/11/2025 - BL số 03*). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, bà Thị L và ông Điều C sống với hạnh phúc đến hết năm 2024, từ đầu năm 2025 đến nay thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do giữa hai người có tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống không còn sự chia sẻ, thông cảm, bỏ qua cho nhau những bất đồng làm cho tình cảm vợ chồng ngày một xa dần, cả hai người xác định tình cảm dành cho nhau đã thực sự hết và có yêu cầu ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Thị L và ông Điều C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu cứ duy trì cuộc hôn nhân giữa hai người thì cũng không có ý nghĩa gì mà chỉ làm khổ cho nhau. Vì vậy, bà Thị L yêu cầu ly hôn với ông Điều C là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Thị Linh và ông Điều C có 03 con chung tên là Điều Hoàng L, sinh ngày 21/5/2012; Điều Hoàng D, sinh ngày 21/02/2018 và Điều Hoàng B, sinh ngày 14/5/2021 (*Bản sao Giấy khai sinh số 182/2014 do UBND xã T, tỉnh Đồng Nai ký ngày 20/11/2025 - BL số 04; Bản sao Giấy khai sinh số 57/2018 do UBND xã T, tỉnh Đồng Nai ký ngày 18/11/2025 - BL số 05; Bản sao Giấy khai sinh số 123/2022 do UBND xã T, tỉnh Đồng Nai ký ngày 20/11/2025 - BL số 06*). Bà T và ông Điều C thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung cho ông Điều C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con trẻ, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị L và ông Điều C thống nhất thỏa thuận là bà Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 con chung/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/4/2026 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận này xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, phù

hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con chung gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt con trẻ, bà L và ông C có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thị L được ly hôn với ông Điều C.
2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao các cháu Điều Hoàng L, sinh ngày 21/5/2012; Điều Hoàng D, sinh ngày 21/02/2018 và Điều Hoàng B, sinh ngày 14/5/2021 cho ông Điều C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/01con/01tháng; tổng số tiền bà L cấp dưỡng cho 03 con là 3.000.000 đồng/01tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/4/2026 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con chung gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt con trẻ, bà L và ông C có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thị L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012834 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự Đồng Nai. Bà L phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 tại Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Quang Dũng